TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỤC N
TỈNH BẮC GIANG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT N
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 02/2025/HS-ST
Ngày 14/01/2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT N

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỤC N, TỈNH BẮC GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Lương Thị Nhẫn
Các hội thẩm nhân dân: 1. Bà Đỗ Thị Hoài Mơ
2. Ông Trương Thanh Cường

- Thư ký phiên toà: Ông Nguyễn Trung Dũng, Thư ký Toà án nhân dân huyện Lục N, tỉnh Bắc Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lục N tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Quỳnh, Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 01 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lục N, tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 135/2024/TLST-HS ngày 25 tháng 12 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 142/2024/QĐXXST-HS ngày 31 tháng 12 năm 2024 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: **Phạm Văn N,** sinh năm 1998 tại huyện Y (nay là thành phố B), tỉnh B. Tên gọi khác: Không.

Nơi đăng ký HKTT và chỗ ở hiện nay: Thôn Đ, xã T, huyện Y (nay là thành phố B), tỉnh B; giới tính: N; quốc tịch: Việt N; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 6/12; đảng, đoàn thể: Không; con ông Phạm Văn S, sinh năm 1971; con bà Lương Thị B, sinh năm 1972; vợ, con: Chưa có.

Nhân thân:

+ Ngày 03/7/2019 bị Công an huyện Y xử phạt vi phạm hành chính về hành vi trộm cắp tài sản, hình thức phạt tiền 1.500.000 đồng. Chấp hành xong ngày 11/7/2019.

+ Bản án số 96B/2015/HSST ngày 25/11/2015, Tòa án nhân dân huyện Y xử phạt 04 tháng tù giam về tội "Trộm cắp tài sản". Chấp hành xong án phí vào tháng 01/2016, chấp hành xong hình phạt tù ngày 06/6/2016.

Tiền án: Bản án số 52/2023/HSST ngày 18/7/2023, Tòa án nhân dân huyện Y xử phạt 10 tháng tù giam về tội "Trộm cắp tài sản". Chấp hành xong hình phạt tù ngày 15/3/2024, chấp hành xong án phí ngày 20/8/2024.

Tiền sự: Không.

Bị cáo đầu thú, bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 11/9/2024 đến nay, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh B, được trích xuất, có mặt tại phiên toà.

2. Họ và tên: **Nguyễn Văn T,** sinh năm 1997 tại huyện Y (nay là thành phố B), tỉnh B). Tên gọi khác: Không.

Nơi đăng ký HKTT và chỗ ở hiện nay: Thôn T, xã Đ, huyện Y (nay là thành phố B), tỉnh B); giới tính: N; quốc tịch: Việt N; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 7/12; đảng, đoàn thể: Không; con ông Nguyễn Xuân N (đã chết); con bà Bạch Thị H, sinh năm 1970; vợ: Vũ Thị Lan, sinh năm 1993 (đã ly hôn); con: Có 01 con sinh năm 2018.

Nhân thân:

+ Bản án số 13/2016/HSST ngày 21/4/2016, Tòa án nhân dân huyện Y xử phạt 21 tháng tù giam về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản". Chấp hành xong án phí ngày 24/8/2016, chấp hành xong hình phạt tù ngày 21/7/2017.

+ Bản án số 09/2019/HSST ngày 15/3/2019, Tòa án nhân dân huyện Y xử phạt 08 tháng tù giam về tội "Trộm cắp tài sản". Chấp hành xong án phí tháng 7/2019, chấp hành xong hình phạt tù ngày 04/8/2019.

Tiền án:

+ Bản án số 81/2020/HS-ST ngày 30/12/2020, Tòa án nhân dân huyện Y xử phạt 09 tháng tù giam về tội "Trộm cắp tài sản". Chấp hành xong án phí tháng 3/2021.

+ Bản án số 89/2021/HS-PT ngày 28/7/2021, Tòa án nhân dân tỉnh B xử phạt 02 năm 01 tháng tù giam về tội "Trộm cắp tài sản". Quyết định tổng hợp hình phạt số 01/2021/QĐ-CA ngày 14/10/2021 của Chánh án Tòa án nhân dân tỉnh B (Tổng hợp hình phạt Bản án số 81/2020/HS-ST ngày 30/12/2020 của Tòa án nhân dân huyện Y và Bản án số 89/2021/HS-PT ngày 28/7/2021 của Tòa án nhân dân tỉnh B) là 02 năm 10 tháng tù giam, về tội "Trộm cắp tài sản". Chấp hành xong án phí ngày 01/10/2021, chấp hành xong hình phạt tù ngày 17/8/2023.

Tiền sự: Không.

Bị cáo đầu thú, bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 11/9/2024 đến nay, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh B, được trích xuất, có mặt tại phiên toà.

** Bị hại:*

+ Ông Trương Văn B, sinh năm 1962; địa chỉ: Thôn H, xã Đ, huyện L, tỉnh B. (Vắng mặt)

+ Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1984; địa chỉ: Thôn B, xã Chu Đ, huyện L, tỉnh B. (Vắng mặt)

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Chị Trương Thị Th, sinh năm 1992; địa chỉ: Thôn B, xã Đ, huyện L, tỉnh B. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Bị cáo Phạm Văn N và bị cáo Nguyễn Văn T là các đối tượng đã có tiền án và không có công ăn việc làm ổn định. Trong các ngày 07/9/2024 và 11/9/2024, N và T đã cùng nhau trộm cắp 02 vụ trộm cắp trên địa bàn huyện Lục N, cụ thể:

Vụ thứ nhất: Khoảng 14 giờ ngày 07/9/2024, Phạm Văn N và Nguyễn Văn T đi bộ từ huyện Y (nay là thành phố B), tỉnh B) đến xã Đ, huyện L, tỉnh B chơi. Khi đi qua nhà ông Trương Văn B, N và T thấy nhà ông B không khoá cổng, trong sân nhà có để chiếc xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Sirius màu sơn đen trắng, biển kiểm soát 98F1- 045.05. Quan sát không có người, N bảo T đứng ngoài cảnh giới, còn N đi bộ vào để trộm cắp. N đi đến vị trí chiếc xe thì thấy chìa khoá điện vẫn cắm ở ổ khoá, N dắt xe mô tô ra ngoài cổng rồi mở khoá điện nổ máy chở T về cửa hàng N thuê ở thôn T, xã Nội H, huyện Y (nay là thành phố B) cất giấu. Khi về đến quán, N tháo biển số xe và để biển số ở quán, còn chiếc xe mô tô N sử dụng làm phương tiện đi lại.

Ngày 11/9/2024, ông Trương Văn B làm đơn trình báo đề nghị giải quyết và giao nộp: 01 Chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số 006140 (bản phô tô) mang tên Trương Thị T (là con gái ông B).

Vụ thứ hai: Khoảng 00 giờ ngày 11/09/2024, Phạm Văn N và Nguyễn Văn T rủ nhau đi trộm cắp tài sản để bán lấy tiền chi tiêu cá nhân. Sau đó N điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Sirius (là xe N và T trộm cắp ngày 07/9/2024 của ông B) chở T ngồi sau đi sang địa bàn huyện Lục N tìm tài sản sơ hở để trộm cắp. Trên đường đi T và N khai nhặt được 01 xà cày bằng kim loại có một đầu dẹt uốn cong xẻ rãnh, một đầu dẹt thẳng dài 57 cm, T và N mang theo mục đích để phá khoá cửa. Khi đi qua nhà anh Nguyễn Văn T, T và N thấy cổng khoá, bên trong không có người, quan sát ở sân có 01 chiếc xe Honda Wave, màu sơn xanh, biển kiểm soát 09F1-288.49 nên N bảo T ở ngoài cảnh giới còn N trèo tường vào để trộm cắp. Sau đó N trèo tường đi vào dắt chiếc xe trên ra cổng, tiếp đó N theo lối cũ ra ngoài rồi cùng T dùng xà cày cậy chốt khoá cổng. Sau đó T vào dắt xe ra ngoài rồi nổ máy điều khiển chiếc xe mô tô vừa trộm cắp được, còn N điều khiển xe Yamaha Sirius đi về huyện Y. Trên đường về, T dừng lại tháo biển kiểm soát xe và giấu ở nghĩa T thuộc thôn P, xã T, huyện Y (nay là thành phố B). Sau đó, N và T cùng nhau đi về nghĩa T thuộc thôn N, xã T, huyện Y (nay là thành phố B) để ngủ. Đến khoảng 09 giờ cùng ngày, Công an xã T, huyện Y (nay là thành phố B) tuần tra, kiểm soát phát hiện Phạm Văn N và Nguyễn Văn T có biểu hiện nghi vấn nên đã đưa về trụ sở làm việc và tạm giữ: 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Sirius màu sơn đen trắng, có số máy: 5C64859001, số khung: RLCS5C640CY858994; 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave màu sơn xanh, có số máy: JA39E1548775, số khung: RLHJA3913LY210953; 01 chiếc xà cày có một đầu dẹt uốn cong xẻ rãnh, một đầu dẹt thẳng dài 57 cm; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6 Plus, có số IMEI: 352047075435714; 01 điện thoại di

động nhãn hiệu Oppo A7, có số IMEI: 867939046712536. Quá trình làm việc xác định 02 chiếc xe mô tô trên là tài sản do N và T trộm cắp ở huyện Lục N nên Công an xã T đã bàn giao hồ sơ vụ việc cùng vật chứng cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện N để giải quyết theo thẩm quyền. Cùng ngày, anh Nguyễn Văn T làm đơn trình báo đề nghị giải quyết.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 61 ngày 20/9/2024 của Hội đồng định giá trong tố tụng hình sự huyện L, kết luận: Giá trị 01 (một) chiếc xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA SIRIUS, màu sơn đen trắng, biển kiểm soát 98F1-045.05, trị giá 5.670.000 đồng; Giá trị 01 (một) chiếc xe mô tô nhãn hiệu HONDA WAVE, màu sơn xanh, biển kiểm soát 98F1- 288.49, trị giá 10.860.000 đồng.

Cùng ngày Cơ quan điều tra Công an huyện L thu giữ: 01 biển kiểm soát 98F1-288.49 tại nghĩa T thuộc thôn P, xã T, huyện Y (nay là thành phố B), tỉnh B). Tiến hành khám xét khẩn cấp nơi ở (là cửa hàng thuê ở thôn T, xã N, huyện Y (nay là thành phố B), tỉnh B) thu giữ: 01 biển kiểm soát 98F1-045.05

Về vật chứng: Cơ quan điều tra Công an huyện L đã trả lại cho ông B 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Sirius màu sơn đen trắng, có số máy: 5C64859001, số khung: RLCS5C640CY858994 và 01 chiếc biển kiểm soát 98F1-045.05; Trả lại cho anh T 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave màu sơn xanh, có số máy 3981548775, số khung: RLHJA3913LY210953 và 01 chiếc biển kiểm soát 98F1-288.49. Đối với 01 chiếc xà cày dài 57 cm; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6 Plus, có số IMEI: 352047075435714; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Oppo A7, có số IMEI: 867939046712536 thu giữ trong quá trình điều tra Cơ quan điều tra chuyển xử lý cùng vụ án.

Về trách nhiệm dân sự: Ông Trương Văn B và anh Nguyễn Văn T không có yêu cầu đề nghị các bị cáo phải bồi thường.

Tại cơ quan điều tra, bị cáo Phạm Văn N và bị cáo Nguyễn Văn T thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên.

Tại bản cáo trạng số: 02/CT-VKS ngày 24/12/2024 Viện kiểm sát nhân dân huyện L đã truy tố bị cáo Phạm Văn N về tội *"Trộm cắp tài sản"* theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự; bị cáo Nguyễn Văn T về tội *"Trộm cắp tài sản"* theo quy định tại điểm g khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa hôm nay, các bị cáo thừa nhận cáo trạng của Viện kiểm sát truy tố là đúng người, đúng tội, không bị oan. Các bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

Sau phần xét hỏi, tại phần tranh luận Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện L đã phát biểu lời luận tội đối với các bị cáo, phân tích tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi mà các bị cáo đã thực hiện, nhân thân các bị cáo, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo, đã giữ nguyên quan điểm như Cáo trạng đã truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

Căn cứ: Khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g, h khoản 1 Điều 52; Điều 17, Điều 58, Điều 38 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Phạm Văn N;

Điểm g khoản 2 Điều 173; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 17, Điều 58, Điều 38 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Nguyễn Văn T;

Xử phạt: Bị cáo Phạm Văn N từ 12 tháng tù đến 15 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản". Thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam 11/9/2024. Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Văn T từ 02 năm 06 tháng tù đến 03 năm tù về tội "Trộm cắp tài sản". Thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam 11/9/2024. Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 Bộ luật hình sự, Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

- Tịch thu tiêu huỷ 01 chiếc xà cày có một đầu dẹt uốn cong xẻ rãnh, một đầu dẹt thẳng dài 57 cm.

- Trả lại bị cáo Phạm Văn N 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6 Plus, có số IMEI: 352047075435714, nhưng tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

- Trả lại bị cáo Nguyễn Văn T 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Oppo A7, có số IMEI: 867939046712536, nhưng tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại là ông Trương Văn B và anh Nguyễn Văn T đã nhận lại tài sản, không yêu cầu các bị cáo bồi thường nên không đặt ra xem xét giải quyết.

Về án phí: Bị cáo Phạm Văn N và bị cáo Nguyễn Văn T phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2026/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

Các bị cáo nhất trí với nội dung bản luận tội của Kiểm sát viên và không có ý kiến tranh luận, bào chữa gì. Nói lời sau cùng, các bị cáo nhận thức hành vi của các bị cáo là vi phạm pháp luật, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, cho các bị cáo được hưởng mức án thấp nhất để các bị cáo được sớm trở về với gia đình và xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra và Điều tra viên, của Viện kiểm sát và kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá

trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại gì về hành vi và quyết định của những người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Trước cũng như tại phiên tòa hôm nay, các bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như bản cáo trạng đã truy tố. Lời khai nhận tội của các bị cáo phù hợp với lời khai của bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, phù hợp với các tài liệu, chứng cứ mà cơ quan điều tra đã thu thập được thể hiện trong hồ sơ vụ án về thời gian, địa điểm và diễn biến của quá trình các bị cáo thực hiện hành vi phạm tội. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở để kết luận:

Khoảng 14 giờ ngày 07/9/2024, Phạm Văn N và Nguyễn Văn T có hành vi trộm cắp 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Sirius, màu sơn đen trắng, biển kiểm soát 98F1-045.05 trị giá 5.670.000 đồng của ông Trương Văn B, sinh năm 1962 ở thôn H, xã Đ, huyện L sau đó đem về sử dụng làm phương tiện đi lại. Khoảng 00 giờ ngày 11/9/2024, Phạm Văn N và Nguyễn Văn T có hành vi trộm cắp 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave Alpha, màu sơn xanh, biển kiểm soát 98F1-288.49 có trị giá 10.860.000 đồng của anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1984 ở thôn B, xã C, huyện L. Tổng giá trị tài sản bị cáo N và bị cáo T trộm cắp là 16.530.000 đồng. Tài sản đã thu hồi được và trả lại cho bị hại.

Bị cáo Nguyễn Văn T năm 2020 và năm 2021 đã bị xét xử về hình sự đối với tội chiếm đoạt tài sản đều chưa được xoá án tích nhưng nay lại tiếp tục phạm tội chiếm đoạt tài sản, do vậy lần phạm tội này của bị cáo T là tái phạm nguy hiểm theo quy định tại điểm g khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự. Bị cáo Phạm Văn N thực hiện hành vi trộm cắp tài sản cùng bị cáo T với tổng trị giá tài sản trộm cắp là 16.530.000 đồng đã phạm vào khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự. Do vậy, Viện kiểm sát nhân dân huyện L truy tố các bị cáo theo tội danh và điều khoản như trên là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Xét về tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo thì thấy: Trong vụ án này có hai bị cáo phạm tội với lỗi cố ý, hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, gây hoang mang trong quần chúng nhân dân, ảnh hưởng xấu đến trật tự trị an tại địa phương. Các bị cáo đều đã bị xét xử về hình sự đối với tội chiếm đoạt tài sản chưa được xoá án tích nhưng không lấy đó làm bài học cho bản thân lại tiếp tục thực hiện hành vi phạm tội. Các bị cáo đã lợi dụng sơ hở của chủ sở hữu tài sản lén lút thực hiện hành vi trộm cắp tài sản. Các bị cáo nhận thức được hành vi trộm cắp tài sản là trái pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện hành vi phạm tội nêu trên, thể hiện sự coi thường pháp luật. Do vậy, cần phải xử lý nghiêm các bị cáo bằng pháp luật hình sự mới đảm bảo tính giáo dục riêng và phòng ngừa chung đối với loại tội này.

Trong vụ án này, các bị cáo thực hiện hành vi phạm tội mang tính chất đồng phạm giản đơn nên cần áp dụng Điều 17, Điều 58 khi quyết định hình phạt.

[4] Xét vai trò phạm tội của từng bị cáo thì thấy: Trong vụ án này bị cáo N là người khởi xướng và trực tiếp thực hiện hành vi. Bị cáo T là người chuẩn bị công cụ là chiếc xà cày để thực hiện hành vi và đứng ngoài cảnh giới cho bị cáo N thực hiện hành vi. Bị cáo T là người dùng xà cày phá khóa cổng sau đó trực tiếp dắt xe ra điều khiển đi. Như vậy, khi thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo N và bị cáo T đều rất tích cực và có vai trò ngang nhau nên phải chịu trách nhiệm hình sự ngang nhau về hành vi của các bị cáo.

[5] Xét về nhân thân của các bị cáo thì thấy: Các bị cáo đều là người có nhân thân xấu. Bị cáo N năm 2019 bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi trộm cắp tài sản, đã hai lần bị xét xử về hình sự đều về tội chiếm đoạt tài sản. Bị cáo T đã bốn lần bị xét xử về hình sự đều về tội chiếm đoạt tài sản. Tuy nhiên các bị cáo không lấy đó làm bài học mà còn phạm tội.

[6] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo N và bị cáo T phạm tội hai lần nên phải chịu tình tiết tăng nặng là "Phạm tội 02 lần trở lên" quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự; Bị cáo N phạm tội khi chưa được xoá án tích nên phải chịu tình tiết tăng nặng là "Tái phạm" quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

[7] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa hôm nay các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; khi vụ việc bị phát hiện các bị cáo đã ra đầu thú. Bị cáo N có ông nội tham gia dân công hỏa tuyến có giấy chứng nhận. Do vậy, cần áp dụng điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự để giảm nhẹ một phần hình phạt cho các bị cáo khi quyết định hình phạt.

[8] Xét thấy các bị cáo là người có nhân thân xấu, đã có tiền án, có nhiều thời gian đi chấp hành án nhưng các bị cáo không lấy đó làm bài học, chứng tỏ các bị cáo là những đối tượng khó giáo dục. Từ tính chất, mức độ của hành vi phạm tội, nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo như trên, Hội đồng xét xử thấy cần thiết phải xử lý nghiêm bằng pháp luật hình sự, áp dụng hình phạt tù có thời hạn đối với các bị cáo và buộc các bị cáo phải cách ly khỏi đời sống xã hội một thời gian cần thiết mới đủ điều kiện giáo dục cải tạo các bị cáo trở thành người biết T thủ pháp luật, có ích cho gia đình và xã hội. Việc xử phạt các bị cáo với mức phạt trong khung như Kiểm sát viên đề nghị tại phiên toà là phù hợp.

[9] Về hình phạt bổ sung: Tội phạm do các bị cáo thực hiện, lẽ ra phải áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với các bị cáo. Tuy nhiên, HĐXX thấy các bị cáo hiện nay không có nghề nghiệp và thu nhập ổn định do sau khi phạm tội đã bị tạm giam, nên HĐXX không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với các bị cáo.

[10] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại là ông Trương Văn B và anh Nguyễn Văn T đã nhận lại tài sản và không yêu cầu các bị cáo phải bồi thường nên Hội đồng xét xử thấy cần chấp nhận.

[11] Đối với chị Trương Thị T là chủ sở hữu hợp pháp của chiếc xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Sirius, màu sơn đen trắng, biển kiểm soát 98F1-045.05. Năm 2015 chị T đã cho ông B làm phương tiện đi lại, chiếc xe Cơ quan cảnh sát điều tra đã trả lại cho ông Bốn nên chị không có yêu cầu gì, Hội đồng xét xử thấy cần chấp nhận.

[12] Hiện nay, các bị cáo đang bị tạm giam, để đảm bảo cho việc thi hành án, HĐXX thấy cần tiếp tục tạm giam các bị cáo là phù hợp với Điều 329 Bộ luật tố tụng hình sự.

[13] Về vật chứng của vụ án:

- Đối với 01 xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Sirius màu sơn đen trắng, biển kiểm soát 98F1-045.05 và xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave màu sơn xanh, biển kiểm soát 98F1288.49, ngày 13/11/2024 và ngày 15/11/2024 Cơ quan cảnh sát điều tra đã trả lại cho ông Trương Văn B và anh Nguyễn Văn T, ông B và anh T đã nhận lại tài sản và không có yêu cầu gì, Hội đồng xét xử thấy cần chấp nhận.

- Đối với 01 chiếc xà cày có một đầu dẹt uốn cong xẻ rãnh, một đầu dẹt thẳng dài 57 cm là công cụ các bị cáo sử dụng để thực hiện hành vi phạm tội, do vậy cần tịch thu tiêu huỷ là phù hợp với quy định tại điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự, điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự.

- Đối với 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6 Plus, có số IMEI: 352047075435714 của bị cáo Phạm Văn N (đã qua sử dụng) không liên quan đến hành vi phạm tội của bị cáo. Do vậy, cần trả lại bị cáo là phù hợp với quy định tại khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự, nhưng tạm giữ để đảm bảo thi hành án, Hội đồng xét xử thấy cần chấp nhận.

- Đối với 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Oppo A7, có số IMEI: 867939046712536 của bị cáo Nguyễn Văn T (đã qua sử dụng) không liên quan đến hành vi phạm tội của bị cáo. Do vậy, cần trả lại bị cáo là phù hợp với quy định tại khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự, nhưng tạm giữ để đảm bảo thi hành án, HĐXX thấy cần chấp nhận.

(Vật chứng của vụ án như trong Biên bản giao nhận vật chứng giữa cơ quan cảnh sát điều tra và Chi cục thi hành án dân sự huyện Lục N).

[14] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[15] Về quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 331, Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự, các bị cáo, bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ: Khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g, h khoản 1 Điều 52; Điều 17, Điều 58, Điều 38 của Bộ luật hình sự đối với bị cáo Phạm Văn N.

Điểm g khoản 2 Điều 173; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 17, Điều 58, Điều 38 của Bộ luật hình sự đối với bị cáo Nguyễn Văn T.

Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106, Điều 135, Điều 136, Điều 331, Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

2. Xử phạt:

- Bị cáo Phạm Văn N 12 (mười hai) tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản". Thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam 11/9/2024.

- Bị cáo Nguyễn Văn T 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản". Thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam 11/9/2024.

3. Về vật chứng:

- Tịch thu tiêu huỷ 01 chiếc xà cày có một đầu dẹt uốn cong xẻ rãnh, một đầu dẹt thẳng dài 57 cm.

- Trả lại bị cáo Phạm Văn N chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6 Plus, có số IMEI: 352047075435714 (đã qua sử dụng), nhưng tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

- Trả lại bị cáo Nguyễn Văn T chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Oppo A7, có số IMEI: 867939046712536 (đã qua sử dụng), nhưng tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

(Vật chứng của vụ án như trong Biên bản giao nhận vật chứng giữa cơ quan cảnh sát điều tra và Chi cục thi hành án dân sự huyện Lục N).

4. Về án phí: Các bị cáo Phạm Văn N và Nguyễn Văn T mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Các bị cáo có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tống đạt bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện Lục Nam;
- Sở Tư pháp tỉnh Bắc Giang;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

- Chi Cục THADS huyện Lục Nam;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu: VP, Hồ sơ vụ án.

Lương Thị Nhẫn

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đỗ Thị Hoài Mơ - Trương Thanh Cường **Lương Thị Nhẫn**

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện Lục N;
- Sở Tư pháp tỉnh Bắc Giang;
- Chi Cục THADS huyện Lục N;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu: VP, Hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Lương Thị Nhẫn

Bị cáo rất tích cực trong việc thực hiện hành vi phạm tội nên bị cáo có vai trò thứ nhất và phải chịu trách nhiệm hình sự cao hơn so với bị cáo T.

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN	**THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
Nguyễn Thị Yến- Nguyễn Hữu Huân	**Nguyễn Ngọc Oanh**